CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Tỉnh Khánh Hòa, tháng 03 năm 2012

MỤC LỤC

	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bê Tông Ly Tâm Điện Lực Khánh Hòa trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Bê Tông Ly Tâm Điện Lực Khánh Hòa là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3703000358 ngày 19 tháng 3 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần đầu số 4200742214 ngày 29 tháng 12 năm 2009 điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ lên 15 tỷ đồng và thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Thay đổi lần 2 vào ngày 20 tháng 05 năm 2011 với nội dung là chuyển đổi trụ sở chính.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	4.650.000.000	31%
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang	3.900.000.000	26%
Nguyễn Quang Tiến	151.000.000	1,01%
Các cổ đông khác	6.299.000.000	41,99%
Cộng	**15.000.000.000**	**100%**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô C5, 6, 7, 8, Khu công nghiệp Đắc Lộc, xã Vĩnh Phương, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại : 058 2220 696

Fax : 058 2220 698

E-mail : ctybtlt.dlkh@gmail.com

Website : www.kpceco.com.vn

Mã số thuế : 4200742214

Hoạt động chính của Công ty là: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất, kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp; Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; Sản xuất kinh doanh sản phẩm cơ khí; Xây lắp công nghiệp.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 22).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Nguyễn Quang Tiến	Chủ tịch	27 tháng 02 năm 2008
Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Thành viên	27 tháng 02 năm 2008
Lê Duy Cửu	Thành viên	27 tháng 02 năm 2008
Đào Thị Hồng Thịnh	Thư ký	01 tháng 09 năm 2008

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Nguyễn Thanh Gần Em	Trưởng ban	27 tháng 02 năm 2008
Phan Thị Vân Hà	Thành viên	27 tháng 02 năm 2008
Huỳnh Diệp Quyên	Thành viên	27 tháng 02 năm 2008

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Giám đốc	20 tháng 03 năm 2011
Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc	01 tháng 10 năm 2009
Võ Trị	Kế toán trưởng	20 tháng 03 năm 2011

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bê Tông Ly Tâm Điện Lực Khánh Hòa chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Bê Tông Ly Tâm Điện Lực Khánh Hòa, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY C.P BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Nguyễn Phước Vĩnh Khải
Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2012

Vietland Limited
02 Huynh Khuong Ninh St., Da Kao Ward, District 1, HCMC
Tel : (84-8) 3910 5401 - Fax : (84-8) 3910 5402
Email : vietland@vietlandaudit.com.vn
Website : www.vietlandaudit.com.vn

Số: 0046/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bê Tông Ly Tâm Điện Lực Khánh Hòa gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 26 tháng 02 năm 2012, từ trang 06 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến Chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bê Tông Ly Tâm Điện Lực Khánh Hòa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Qui định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi chỉ muốn lưu ý với người đọc Báo cáo tài chính rằng Công ty đang sử dụng nguồn vốn Quỹ Đầu tư Phát triển để đầu tư Tài sản cố định (*xem thuyết minh V.23*) theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên số 13/2011 /NQ-BTLT-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2011 .

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN - TƯ VẤN ĐẤT VIỆT

VĂN NAM HẢI – Phó Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0832/KTV

LÊ QUỐC TUẤN - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1558/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**13.242.688.356**	**7.920.172.340**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**V.1**	**4.181.782.254**	**826.194.075**
1.	Tiền	111		4.181.782.254	826.194.075
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		-	-
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**5.985.046.505**	**3.427.466.332**
1.	Phải thu khách hàng	131	V.2	5.981.804.227	3.097.227.092
2.	Trả trước cho người bán	132	V.3	-	330.239.240
3.	Các khoản phải thu khác	135	V.4	3.242.278	-
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**2.962.924.883**	**3.513.704.578**
1.	Hàng tồn kho	141	V.5	2.962.924.883	3.513.704.578
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**112.934.714**	**152.807.355**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	112.934.714	139.515.241
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	-	13.292.114
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**30.969.478.393**	**32.752.053.430**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**30.819.033.247**	**32.444.875.063**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	26.757.874.663	28.340.134.740
	Nguyên giá	*222*		*35.133.899.541*	*33.150.109.908*
	Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(8.376.024.878)*	*(4.809.975.168)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	V.9	3.826.967.994	3.933.536.958
	Nguyên giá	*228*		*4.129.876.938*	*4.129.876.938*
	Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(302.908.944)*	*(196.339.980)*
3.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	234.190.590	171.203.365
III.	**Bất động sản đầu tư**	**240**		-	-
IV.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		-	-
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**150.445.146**	**307.178.367**
	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	150.445.146	307.178.367
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**44.212.166.749**	**40.672.225.770**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**23.625.793.665**	**21.446.162.276**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**14.937.853.293**	**7.021.221.904**
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	9.461.265.386	4.740.000.000
2.	Phải trả người bán	312	V.13	2.066.340.910	587.590.988
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.14	1.191.212.149	174.857.148
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	722.750.706	188.867.150
5.	Phải trả người lao động	315	V.16	1.059.032.570	911.471.784
6.	Chi phí phải trả	316	V.17	281.753.161	-
7.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	37.263.563	41.190.846
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	118.234.848	377.243.988
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**8.687.940.372**	**14.424.940.372**
1.	Phải trả dài hạn khác	333	V.20	2.812.560.731	2.812.560.731
2.	Vay và nợ dài hạn	334	V.21	5.861.000.000	11.598.000.000
3.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.22	14.379.641	14.379.641
B -	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**20.586.373.084**	**19.226.063.494**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	V.23	**20.586.373.084**	**19.226.063.494**
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
2.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.155.434.381	1.002.410.530
3.	Quỹ đầu tư phát triển	417		52.413.214	1.236.397.174
4.	Quỹ dự phòng tài chính	418		199.000.000	199.000.000
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.179.525.489	1.788.255.790
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**44.212.166.749**	**40.672.225.770**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 2 năm 2012

Nguyễn Thị Tuyết Loan	Võ Trị	Nguyễn Phước Vĩnh Khải
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		37.747.968.876	30.432.968.157
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	37.747.968.876	30.432.968.157
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	29.425.075.939	22.026.430.644
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.322.892.937	8.406.537.513
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	62.447.038	75.267.244
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	2.914.166.963	1.980.343.394
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.740.671.963	1.752.446.319
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.5	1.407.859.208	775.823.712
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1.322.320.511	1.151.474.401
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.740.993.293	4.574.163.250
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	200.909.091	1.120.973
12.	Chi phí khác	32	VI.8	42.721.388	320.547
13.	Lợi nhuận khác	40		158.187.703	800.426
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.899.180.996	4.574.963.676
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	259.655.507	(13.292.114)
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.639.525.489	4.588.255.790
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.760	3.059

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 2 năm 2012

CÔNG TY C.P BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Nguyễn Thị Tuyết Loan	Võ Trị	Nguyễn Phước Vĩnh Khải
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	*01*		***2.899.180.996***	***4.574.963.676***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		3.807.442.015	3.202.582.015
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(166.498.214)	-
-	Chi phí lãi vay	06		2.740.671.963	1.980.343.394
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	*08*		***9.280.796.760***	***9.757.889.085***
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.557.580.173)	1.367.951.276
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		550.779.695	(506.352.434)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.264.416.711	(3.396.197.279)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		183.313.748	(150.303.344)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(2.740.671.963)	(1.980.343.394)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(1.770.147)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(394.630.000)	(294.255.012)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*		**7.586.424.778**	**4.796.618.751**
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.216.011.076)	(1.083.613.895)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		200.909.091	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*		**(2.015.101.985)**	**(1.083.613.895)**
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		12.907.327.967	3.790.982.049
2.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(13.923.062.581)	(8.066.315.939)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.200.000.000)	(2.390.738.500)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*		**(2.215.734.614)**	***(6.666.072.390)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**3.355.588.179**	**(2.953.067.534)**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**826.194.075**	**3.779.261.609**
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**		**4.181.782.254**	**826.194.075**

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 2 năm 2012

Nguyễn Thị Tuyết Loan	Võ Trị	Nguyễn Phước Vĩnh Khải
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến

3. **Ngành nghề kinh doanh** : Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất, kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp; Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; Sản xuất kinh doanh sản phẩm cơ khí; Xây lắp công nghiệp.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là năm tài chính thứ 4 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (50 năm).

Chuyển giao công nghệ

Chi phí chuyển giao công nghệ là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi trả cho Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang và Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa để nhận chuyển giao công nghệ sản xuất bê tông ly tâm. Chi phí chuyển giao công nghệ được khấu hao trong 10 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

9. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (năm 2009) và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo. Trong năm 2011, Công ty được miễn giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp theo thông tư 154 của Bộ Tài chính.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	223.693.036	30.864.704
Tiền gửi ngân hàng	3.958.089.218	795.329.371
+ Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam	*3.954.546.818*	*791.877.329*
+ Ngân hàng Công thương Việt Nam	*3.542.400*	*3.452.042*
Cộng	**4.181.782.254**	**826.194.075**

2. Phải thu khách hàng

Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	2.477.788.898	12.893.636
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Hud 1	270.058.885	421.165.028
Công ty CP Đầu Tư & XD HUD 405 Bình Định	443.518.900	-
Công ty TNHH XD & TM Thái Minh	227.043.000	43.367.964
Công ty CP Đầu Tư PT & Đô Thị Nha Trang	138.336.000	-
Công ty TNHH XD & Đầu Tư	154.259.996	-
Công ty CP Đầu tư & XD HUD 3	205.386.966	-
Công ty TNHH Xây lắp số 1	-	340.301.437
Công ty Cổ phần Thuỷ Điện Sông Chò	-	298.158.010
Công ty Cổ Phần Đầu tư & Xây dựng 515	6.500.000	302.703.227
Các khách hàng khác	2.058.911.582	1.678.637.790
Cộng	**5.981.804.227**	**3.097.227.092**

3. Trả trước cho người bán

Xí nghiệp Cơ Điện	-	250.000.000
Công ty TNHH Giải pháp tự động và thiết bị điều khiển	-	65.239.240
Công ty chứng khoán ngân hàng Đông Á	-	15.000.000
Cộng	**-**	**330.239.240**

4. Các khoản phải thu khác

Phải thu thuế thu nhập cá nhân	3.242.278	-
Cộng	**3.242.278**	**-**

5. Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu	685.994.155	1.916.496.724
Thành phẩm	2.276.282.001	1.596.887.212
Hàng hóa	648.727	320.642
Cộng	**2.962.924.883**	**3.513.704.578**

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	30.249.306	12.658.333
Chi phí sửa chữa	25.989.236	39.107.906
Chi phí khác	56.696.172	87.749.002
Cộng	**112.934.714**	**139.515.241**

7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	13.292.114
Cộng	**-**	**13.292.114**

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	13.419.006.596	14.582.248.031	5.123.150.520	25.704.761	33.150.109.908
Tăng trong năm	472.542.171	1.680.481.680	-	-	2.153.023.851
Mua sắm mới	-	*390.000.000*	-		*390.000.000*
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	*472.542.171*	*1.290.481.680*	-	-	*1.763.023.851*
Giảm trong năm	-	(169.234.218)	-	-	(169.234.218)
Thanh lý	-	*(169.234.218)*	-	-	*(169.234.218)*
Số cuối năm	**13.891.548.767**	**16.093.495.493**	**5.123.150.520**	**25.704.761**	**35.133.899.541**
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.026.721.191	2.906.234.256	870.878.971	6.140.750	4.809.975.168
Tăng trong năm	586.387.657	2.349.185.490	760.373.100	4.926.804	3.700.873.051
Khấu hao trong năm	*586.387.657*	*2.349.185.490*	*760.373.100*	*4.926.804*	*3.700.873.051*
Giảm trong năm	-	(134.823.341)	-	-	(134.823.341)
Thanh lý	-	*(134.823.341)*	-	-	*(134.823.341)*
Số cuối năm	**1.613.108.848**	**5.120.596.405**	**1.631.252.071**	**11.067.554**	**8.376.024.878**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	12.392.285.405	11.676.013.775	4.252.271.549	19.564.011	28.340.134.740
Số cuối năm	**12.278.439.919**	**10.972.899.088**	**3.491.898.449**	**14.637.207**	**26.757.874.663**

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chuyển giao công nghệ	Tài sản vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	3.899.876.938	230.000.000	-	4.129.876.938
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	**3.899.876.938**	**230.000.000**	**-**	**4.129.876.938**
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	144.197.130	52.142.850	-	196.339.980
Tăng trong năm	77.997.540	28.571.424	-	106.568.964
Khấu hao trong năm	*77.997.540*	*28.571.424*	-	*106.568.964*
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	**222.194.670**	**80.714.274**	**-**	**302.908.944**
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	3.755.679.808	177.857.150	-	3.933.536.958
Số cuối năm	**3.677.682.268**	**149.285.726**	**-**	**3.826.967.994**

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khuôn cọc cừ D300 (Nhà máy BT LT điện lực Khánh hòa)	234.190.590	165.667.315
Hệ thống thoát nước cổng trục cồn xôn	-	5.536.050
Cộng	**234.190.590**	**171.203.365**

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ dụng cụ	142.485.490	225.766.447
Chi phí di dời xưởng	-	67.304.046
Chi phí khác	7.959.656	14.107.874
Cộng	**150.445.146**	**307.178.367**

12. Vay và nợ ngắn hạn

Vay ngắn hạn	3.724.265.386	-
- Ngân hàng Đầu tư Phát triển - chi nhánh Khánh Hòa	*3.724.265.386*	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	5.737.000.000	4.740.000.000
- Ngân hàng Đầu tư Phát triển - chi nhánh Khánh Hòa	*5.000.000.000*	*4.000.000.000*
- Công ty CP điện lực Khánh Hòa	*737.000.000*	*740.000.000*
Cộng	**9.461.265.386**	**4.740.000.000**

13. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thép Việt An	584.427.600	90.223.079
Công ty TNHH Thịnh Đức Tiến	461.800.000	-
Công ty CP Xi Măng Miền Trung - Tây Nguyên	296.250.000	-
Công ty CP Đầu Tư & KD VLXD FiCo	276.804.000	-
Công ty TNHH Phú Khang	154.000.000	-
Công ty CP Thiên Phú Phát - CN Nha Trang	133.650.000	-
Các đối tượng khác	159.409.310	497.367.909
Cộng	**2.066.340.910**	**587.590.988**

14. Người mua trả tiền trước

Công ty TNHH Xây Dựng Quyết Tiến	-	75.880.002
Công ty TNHH Xây Dựng & Đầu Tư	-	65.230.000
Công ty CP Xây dựng Đầu tư Phát triển Bạch Đằng 15	1.111.000.000	-
Khách hàng khác	80.212.149	33.747.146
Cộng	**1.191.212.149**	**174.857.148**

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế GTGT nội địa	471.006.757	168.467.447
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	246.363.393	(13.292.114)
Thuế thu nhập cá nhân	5.380.556	20.399.703
Cộng	**722.750.706**	**175.575.036**

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa đầu năm được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.7)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng sản phẩm bê tông ly tâm là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.13.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Phải trả người lao động

Số dư phải trả người lao động phản ánh quỹ tiền lương chưa chi.

17. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bán hàng	281.753.161	-
Cộng	**281.753.161**	**-**

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Kinh phí công đoàn	34.953.901	7.561.846
Các khoản khác	2.309.662	33.629.000
Cộng	**37.263.563**	**41.190.846**

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	118.234.848	377.243.988
Cộng	**118.234.848**	**377.243.988**

20. Phải trả dài hạn khác

Là tiền đầu tư đất phải trả cho Ban quản lý các Khu công nghiệp Khánh Hòa.

21. Vay và nợ dài hạn

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Khánh Hòa (*)	5.861.000.000	10.861.000.000
Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa	-	737.000.000
Cộng	**5.861.000.000**	**11.598.000.000**

(*) - Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Khánh Hòa để đầu tư Nhà máy sản xuất bê tông ly tâm. Khoản vay này có thời hạn 6 năm, lãi suất 12%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

22. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	14.379.641	14.379.641
Cộng	**14.379.641**	**14.379.641**

23. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	15.000.000.000	-	416.000.000	79.000.000	2.036.261.204	17.531.261.204
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	4.588.255.790	4.588.255.790
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	1.822.807.704	120.000.000	(2.420.429.704)	(477.622.000)
Trích và chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(2.415.831.500)	(2.415.831.500)
Kết chuyển trong năm	-	1.002.410.530	(1.002.410.530)	-	-	-

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư cuối năm trước	**15.000.000.000**	**1.002.410.530**	**1.236.397.174**	**199.000.000**	**1.788.255.790**	**19.226.063.494**
Số dư đầu năm nay	15.000.000.000	1.002.410.530	1.236.397.174	199.000.000	1.788.255.790	19.226.063.494
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.639.525.489	2.639.525.489
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	969.039.891	-	(1.048.255.790)	(79.215.899)
Kết chuyển trong năm	-	2.153.023.851	(2.153.023.851)	-	-	-
Trả cổ tức	-	-	-		(1.200.000.000)	(1.200.000.000)
Số dư cuối năm nay	**15.000.000.000**	**3.155.434.381**	**52.413.214**	**199.000.000**	**2.179.525.489**	**20.586.373.084**

Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
- *Cổ phiếu phổ thông*	*1.500.000*	*1.500.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
- *Cổ phiếu phổ thông*	*1.500.000*	*1.500.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu bán hàng	37.747.968.876	30.432.968.157
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	**37.747.968.876**	**30.432.968.157**

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán	29.425.075.939	22.026.430.644
Cộng	**29.425.075.939**	**22.026.430.644**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	62.447.038	75.267.244
Cộng	**62.447.038**	**75.267.244**

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay ngân hàng	2.740.671.963	1.752.446.319
Lãi mua hàng trả chậm	173.495.000	227.897.075
Cộng	**2.914.166.963**	**1.980.343.394**

5. Chi phí bán hàng

Chi phí dịch vụ mua ngoài	438.443.518	351.014.993
Chi phí bằng tiền khác	969.415.690	424.808.719
Cộng	**1.407.859.208**	**775.823.712**

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí cho nhân viên	598.084.086	577.132.723
Chi phí nguyên liệu, dụng cụ	57687605	66.671.089
Chi phí khấu hao tài sản cố định	74.391.714	64.199.172
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.980.660	108.215.613
Chi phí khác	503.176.446	335.255.804
Cộng	**1.322.320.511**	**1.151.474.401**

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý TSCĐ	200.909.091	-
Các khoản khác	-	1.120.973
Cộng	**200.909.091**	**1.120.973**

8. Chi phí khác

Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	34.410.877	-
Các khoản khác	8.310.511	320.547
Cộng	**42.721.388**	**320.547**

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.899.180.996
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	*68.310.511*
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-
Thu nhập tính thuế	2.967.491.507
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	**259.655.507**

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.639.525.489	4.588.255.790
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.639.525.489	4.588.255.790
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.500.000	1.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.760**	**3.059**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN	600.201.786	577.132.723
Các khoản phụ cấp khác	144.000.000	144.000.000
Cộng	**744.201.786**	**721.132.723**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	Cổ đông lớn, sở hữu 31% vốn điều lệ.
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang	Cổ đông lớn, sở hữu 26% vốn điều lệ.

Các nghiệp vụ trọng yếu phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Số tiền
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	Nợ đến hạn trả	737.000.000
	Trả nợ đến hạn trả	740.000.000
	Lãi vay phải trả	173.495.000
	Trả lãi vay mua tài sản	173.495.000
	Bán hàng	7.752.876.156
	Thu tiền bán hàng	5.287.980.894
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang	Mua hàng	643.500.000
	Thanh toán tiền hàng	643.500.000

Tại thời điểm 31/12/2011 công nợ với các bên liên quan như sau

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Số tiền
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	Phải thu tiền bán hàng	2.477.788.898

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 2 năm 2012

CÔNG TY C.P BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Nguyễn Thị Tuyết Loan	Võ Trị	Nguyễn Phước Vĩnh Khải
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc